**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 1707 /SGDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Sở GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**  **TỔ: VĂN** | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC:NGỮ VĂN, KHỐI LỚP 10, 11, 12**

(Năm học 2022 - 2023)

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp: 32; Số học sinh:**  **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Sốgiáo viên:10**; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 10.; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:.............; Khá: 10; Đạt:...............; Chưa đạt: 0

**1.3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính | Cá nhân trang bị |  |  |
| 2 | Ti vi | Nhà trường trang bị ở tất cả các phòng học |  |  |
| 3 | Bảng phụ | GV tự trang bị |  |  |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**2. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**2.1. Phân phối chương trình 11**

**NGỮ VĂN 11**

**35 TUẦN - 123 TIẾT**

**35 TIẾT TỰ CHỌN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KÌ I**  **18 TUẦN x 4 TIẾT = 72 TIẾT**  **18 TIẾT TỰ CHỌN** | | | |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | **Vào phủ chúa Trịnh** | 1 | Kiến thức vè Lê Hữu Trác; Thể kí, giá trị hiện thực |
| 2 | **CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP**  **THƠ NÔM TRUNG ĐẠI**  **- *Tự tình***(bài II) của Hồ Xuân Hương  **- *Câu cá mùa thu*** (Thu điếu) của Nguyễn Khuyến  **- *Thương vợ***của Trần Tế Xương  **- Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận**  **- Thao tác lập luận phân tích**  **- Luyện tập thao tác lập luận phân tích** | **3**  **4**  **5**  **6**  **7**  **8**  **9**  **10**  **11,12** | 1.Kiến thức:  a. Bài thơ “Tự tình”  - Hiểu được nỗi đau thân phận và khát vọng hạnh phúc của HXH cũng như của người phụ nữ trong XHPK.  b) Bài thơ “Câu cá mùa thu”: Cảm nhận:  - Vẻ đẹp của cảnh thu điển hình ở đồng bằng Bắc bộ  - Vẻ đẹp tâm hồn thi nhân: tấm lòng yêu thiên nhiên, quê hương đất nước, tâm trạng thời thế  c) Bài thơ “Thương vợ”  - Cảm nhận được hình ảnh bà Tú: vất vả, đảm đang, thương yêu và lặng lẽ hi sinh vì chồng con.  - Thấy được tình cảm thương yêu, quý trọng của Trần Tế Xương dành cho người vợ. Qua những lời tự trào, thấy được vẻ đẹp, nhân cách và tâm sự của nhà thơ.  - Thấy được thái độ phẩn uất của nhà thơ trước chế độ khoa cử đương thời  d) Phân tích đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận  - Nắm vững cách phân tích lập dàn ý cho bài viết.  - Hiểu được đặc trưng của văn nghị luận  e) TTLL phân tích  - Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích  - Hiểu được đặc trưng của văn nghị luận  3g) LT TTLL phân tích:  - Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích  - Hiểu được đặc trưng của văn nghị luận  2. Phẩm chất:  + Yêu quê hương, đất nước, yêu thiên nhiên…  + Biết đồng cảm, sẻ chia, trân trọng vẻ  + Có hứng thú, niềm yêu thích đối với bộ môn.  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản văn học trung đại Việt Nam theo đặc trưng thể loại  - NL tạo lập văn bản nghị luận về thơ trữ tình trung đại VN  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| 3 | ***Bài ca ngất ngưởng*** (Nguyễn Công Trứ) | 13  14 | 1. Về kiến thức:  -Hiểu được sự chán ghét của Cao Bá Quát đối với con đường mưu cầu danh lợi tầm thường và niềm khao khát đổi mới cuộc sống trong xã hội nhà Nguyễn bảo thủ, trì trệ.  - Nắm được một vài điểm và khả năng biểu đạt của thể hành  2. Phẩm chất:  - Thấy được vẻ đẹp của tình bạn, tình người; vẻ đẹp nhân cách của các nhà nho phong kiến.  - Biết trân trọng vun đắp một trong những tình cảm cao đẹp nhất của con người- tình bạn  - Có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân để sống có ý nghĩa cho cộng đồng, xã hội  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản văn học trung đại , NL tạo lập văn bản nghị luận về thơ trung đại  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học.. |
| 4 | ***Bài ca ngắn đi trên bãi cát*** (Cao Bá Quát) | 15,16 | 1. Kiến thức: Giúp học sinh:  - Hiểu được sự chán ghét của Cao Bá Quát đối với con đường mưu cầu danh lợi tầm thường và niềm khao khát đổi mới cuộc sống trong xã hội nhà Nguyễn bảo thủ, trì trệ.  - Nắm được một vài điểm và khả năng biểu đạt của thể hành  2.Phẩm chất:  - Yêu quê hương, đất nước (yêu thiên nhiên)  - Trân trọng vẻ đẹp nhân cách của các nhà nho phong kiến.  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản văn học trung đại Việt Nam theo đặc trưng thể loại  - NL tạo lập VB nghị luận về văn học trung đại  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo |
| 5 | ***Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*** (Nguyễn Đình Chiểu) | 17-20 | 1. Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản về thân thế, sự nghiệp và giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.  - Cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của bức tượng đài nghệ thuật về người nông dân nghĩa sĩ.  - Những thành tựu về mặt ngôn ngữ, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật.  2. Phẩm chất: Trân trọng vẻ đẹp của con người và thơ văn của Đồ Chiểu  3.Năng lực:  - NL đọc hiểu bài học văn học sử về tác giả văn học  - NL tạo lập văn bản nghị luận về tác giả văn học  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo,…. |
| 6  7  8  9 | **Thực hành về thành ngữ, điển cố**   * **Chiếu cầu hiền**   **Đt: Xin lập khoa luật**  **- Thao tác lập luận so sánh** | **21**  **22**  **23**  **24** | 1.Kiến thức: Hệ thống hoá những kiến thức đã học về văn học trung đại VN đã học trong chương trình ngữ văn lớp 11  2. Phẩm chất: Yêu quê hương, đất nước; tự hào về vẻ đẹp đất nước con người Việt Nam…  3. Năng lực:  - NL tổng kết, hệ thống hóa những kiến thưc đã học  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 10  11  12 | **LT:Thao tác lập luận so sánh**  ***-Ôn VHTĐVN***  ***- Ôn kiểm tra giữa kì*** | **25**  **26**  **27,28** | 1. Kiến thức:Nắm được khái niệm so sánh, mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận so sánh, cách so sánh.  2. Phẩm chất: tạo hứng thú, niềm yêu thích đối với bộ môn.  3. Năng lực:  - NL hiểu và vận dụng đúng, linh hoạt các thao tác lập luận vào việc tạo lập và đọc hiểu các đoạn văn , văn bản nghị luận.  - Các NL khác: NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác,  - …1.Kiến thức: Ôn tập kiến thức về VH, TV và LV  2.Phẩm chất: Say mê với môn học, yêu tiếng Việt  3.Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| 13 | **Khái quát Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng Tám 1945** | **29,**  **30** | 1  . Kiến thức: Giúp học sinh nắm vững những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945.  2. Phẩm chất: tạo hứng thú, niềm yêu thích đối với bộ môn, trân trọng gìn giữ một giai đoạn văn học có giá trị cao trong lịch sử văn học.  3. Năng lực:  - Các năng lực khác: NL hợp tác, NL nghiên cứu  - NL đọc hiểu văn bản lịch sử văn học, tạo lập VB nghị luận về giai đoạn văn học |
| 14 | **. Một số thể loại văn học: thơ, truyện** | **31,**  **32** | 1. Kiến thức: Giúp học sinh nhận biết loại và thể trong văn học; hiểu khái quát các đặc điểm của một số thể loại văn học: Thơ, truyện.  2. Phẩm chất: Yêu văn học, trân trọng những giá trị tinh thần vô giá của dân tộc  3. Năng lực :  - NL đọc – hiểu một văn bản lí luận văn học  - NL vận dụng (Biết vận dụng những những kiến thức về thể loại văn học vào việc đọc hiểu các tác phẩm thơ, truyện trong chương trình  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề. |
| 15  16 | **Kiểm tra giữa kì I**  **- *Hai đứa trẻ*** (Thạch Lam) | **33,**  **34**  **35-37** | 1. Kiến thức: Giúp học sinh nắm được:  - Tấm lòng nhân ái sâu sắc của Thạch Lam đối với những kiếp người nghèo khổ và sự cảm thông, trân trọng của nhà văn trước mong ước của họ về cuộc sống tươi sáng hơn.  - Nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Thạch Lam.  - NL đọc hiểu tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam theo đặc trưng thể loại  - NL tạo lập văn bản NL về tác phẩm văn xuôi hiện đại  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo,…  - Phẩm chất: Đồng cảm với cảnh ngộ và tâm trạng của con người; sống nhân ái yêu thương. |
| 17 | ***Chữ người tử tù*** (Nguyễn Tuân) | **38-40** | a) Kiến thức: Giúp học sinh  - Cảm nhận được vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huấn Cao, qua đó hiểu được quan điểm thẩm mĩ của NT  - Hiểu được nghệ thuật của thiên truyện: tình huống truyện độc đáo, tạo không khí cổ xưa, thủ pháp đối lập, ngôn ngữ góc cạnh, giàu tính tạo hình.  b)Về kĩ năng: phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự  c) Về thái độ: yêu cái đẹp, trọng người có tài, thiên lương |
| 18  19 | **Ngữ cảnh**  **-**  **- Hạnh phúc của một tang gia** (trích ***Số đỏ*** của Vũ Trọng Phụng) | **41**  **42-44** | 1. Kiến thức: Giúp học sinh hiểu được khái niệm ngữ cảnh trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ cùng với những nhân tố của nó.  2.Phẩm chất: Thấy được sự giàu đẹp của tiếng Việt, yêu tiếng Việt, có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt…  3. Năng lực :  - NL vận dụng (Biết vận dụng những những kiến thức về hoat động giao tiếp vào quá trình giao tiếp ;  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề, NL thực hành, NL tự học  -1.Kiến thức:  - Nhận ra bản chất lố lăng, đồi bại của xã hội “thượng lưu” thành thị những năm trước Cách mạng tháng Tám, 1945.  - Thấy được thái độ phê phán mạnh mẽ và bút pháp châm biếm mãnh liệt, đầy tài năng của Vũ Trọng Phụng.  - Phẩm chất: Biết phân biệt cái chân chính và cái phản cảm trong cuộc sống, có thái độ sống tích cực…  3. Năng lực :  - NL đọc hiểu bài học về tác giả, tác phẩm, đoạn trích văn xuôi  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| 20  21  22 | ***LT vận dụng kết hợp các thao tác lập luận..-***  ***-Trả bài giữa kì***  ***Chí Phèo***(Nam Cao) | **45**  **45**  **47**  **48** | .Kiến thức: hiểu Nam Cao là nhà văn lớn, thể hiện ở:  -Tư tưởng nhân đạo sâu sắc, mới mẻ bao trùm toàn bộ sáng tác của ông trước CM.  -Tài năng nghệ thuật xuất sắc, độc đáo của Nam Cao cùng với sự đóng góp to lớn của ông vào sự phát triển của văn xuôi nước ta.  - Quan điểm nghệ thuật tự giác rất tiến bộ, sâu sắc của Nam Cao.  2. Phẩm chất: Có tình yêu với cái chân, thiện mỹ  3. Năng lực :  - NL đọc hiểu bài học về tác giả, tác phẩm.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 22 | ***Chí Phèo***(Nam Cao) | **49-52** | 1.Kiến thức: hiểu Nam Cao là nhà văn lớn, thể hiện ở:  -Tư tưởng nhân đạo sâu sắc, mới mẻ bao trùm toàn bộ sáng tác của ông trước CM.  -Tài năng nghệ thuật xuất sắc, độc đáo của Nam Cao cùng với sự đóng góp to lớn của ông vào sự phát triển của văn xuôi nước ta.  - Quan điểm nghệ thuật tự giác rất tiến bộ, sâu sắc của Nam Cao.  2. Phẩm chất: Có tình yêu với cái chân, thiện mỹ  3. Năng lực :  - NL đọc hiểu bài học về tác giả, tác phẩm.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 23 | **Chuyên đè: Giá trị nhân đạo qua: Hai đứa trẻ và Chí phèo** | **40**  **41**  **42** | ….Kiến thức:  -Tư tưởng nhân đạo sâu sắc, mới mẻ bao trùm toàn bộ sáng tác của Thạch Lam và Nam Cao trước CM.  -Tài năng nghệ thuật xuất sắc, độc đáo của Nam Caom VTP cùng với sự đóng góp to lớn của ông vào sự phát triển của văn xuôi nước ta.  - Quan điểm nghệ thuật tự giác rất tiến bộ, sâu sắc của Nam Cao.VTP  2. Phẩm chất: Có tình yêu với cái chân, thiện mỹ  3. Năng lực :  - NL đọc hiểu bài học về tác giả, tác phẩm.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 24 | **CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP**  **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ** | **55-60** | 1   |  | | --- | | 1. **Phong cách ngôn ngữ báo chí**   a) Kiến thức: Giúp học sinh hiểu được khái niệm ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ báo chí  b)Về kĩ năng: nhận diện, phân tích..  c) Thái độ: Giúp các em nhận diện được các hoại văn bản | | 1. **Phong cách ngôn ngữ báo chí** 2. Kiến thức:   Hiểu được khái niệm ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ báo chí   1. Phẩm chất:   Thấy được sự giàu đẹp của tiếng Việt, yêu tiếng Việt, có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt…   1. Năng lực:   -Vận dụng những những kiến thức phong cách ngôn ngữ vào việc đọc hiểu và tạo lập văn bản  - NL nhận biết, phân biệt các phong cách ngôn ngữ.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề, NL thực hành, NL tự học | | 1. **Luyện tập viết bản tin** 2. Kiến thức: Giúp học sinh nắm được các yêu cầu cơ bản của việc viết bản tin; tích hợp với các kiến thức về văn và vốn sống trực tiếp, gián tiếp. 3. Phẩm chất: có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt… 4. Năng lực :   - NL nhận biết, phân biệt các bản tin.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề, NL thực hành, NL tự học | | 1. **Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn**   a) Kiến thức: Giúp học sinh thấy được mục đích, tầm quan trọng của hoạt động phỏng vấn và trả lời phỏng vấn trong đời sống.  b) Phẩm chất: có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt…  c) Năng lực: giao tiếp, năng lực thực hành | | 1. **LT Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn**   a) Kiến thức: Giúp học sinh củng cố những hiểu biết về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  b) Phẩm chất: có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt…  c) Năng lực: giao tiếp, năng lực thực hành |   , … |
| 25 | - **Vĩnh biệt Cửu Trùng đài** (trích ***Vũ Như Tô*** của Nguyễn Huy Tưởng  - Ôn tập văn học | **61,62**  **63-64** | 1. Kiến thức: Nắm được những đặc điểm của thể loại bi kịch. Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong hồi V của vở kịch  2. Phẩm chất: Yêu đất nước, yêu cái đẹp, trân trọng sự sáng tạo của người nghệ sĩ, biết thấu hiểu đồng cảm đối với con người  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản kịch hiện đại VN  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| 26  27 | **Ôn tập kiểm tra cuối kì**  **Tình yêu và thù hận** (trích ***Rômêô và Giuliet*** của Sêch xpia | **65,**  **66**  **-67,6** | 1. Kiến thức: Giúp học hệ thống các kiến thức cơ bản về phần VH, TV và LV đã học trong học kì I, những gì bản thân nắm vững và những gì còn sai sót; những điều cần rút kinh nghiệm...  2. Phẩm chất: Trân trọng những giá trị của VH và TY với tiếng Việt  3. Năng lực: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, …  1. Kiến thức:  - Cảm nhận được tình yêu cao đẹp bất chấp thù hận giữa hai dòng họ của Rô-mê-ô và Giu-li-ét.  - Phân tích được diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại  - Hiểu được tình yêu chân chính tạo ra tình cảm và nhân cách trong sáng, nâng đỡ, cổ vũ con người vượt qua thù hận.  2. Phẩm chất: Ý thức được tình yêu là một tình cảm vô cùng cao đẹp đồng thời trân trọng những giá trị nhân văn của con người…  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu tác phẩm kịch cổ điển  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo. |
| 28  29  30 | **Kiểm tra cuối kì I**  - Thực hành về sử dụng một số kiểu câu trong văn bản  -  **Trả bài kiểm tra cuối kì I** | **69,**  **70**  **-71**  **72** |
|
|
|
|
| **HỌC KÌ II**  **17 TUẦN x 3 TIẾT = 51 TIẾT**  **17 TIẾT TỰ CHỌN** | | | |
| 31 | **Lưu biệt khi xuất dương** (Phan Bội Châu) | **73** | .**Kiến thức**: Cảm nhận được vẻ đẹp lãng mạn hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX và giọng thơ tâm huyết, sôi trào của Phan Bội Châu.  2.Phẩm chất:  + Yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống. Có ý thức, trách nhiệm với quê hương, đất nước.  + Tự hào ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của những người cách mạng tiên phong  + Trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống và con người - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình cách mạng ; NL tạo lập VB nghị luận về thơ trữ tình cách mạng  3.Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình cách mạng ;  -Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 32 | **Hầu Trời** (Tản Đà) | **74-75** | 1.**Kiến thức**: Cảm nhận được tâm hồn lãng mạn độc đáo của thi sĩ Tản Đà và những dấu hiệu đổi mới cả về nội dung và nghệ thuật theo hướng hiện đại hóa của thơ ca Việt Nam vào những năm 20 của thế kỉ XX.  2. Phẩm chất: Trân trọng cá tính, cái tôi cá nhân, vẻ đẹp nhân cách của con người - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình hiện đại  3. Năng lực:  - NL tạo lập VB nghị luận về thơ hiện đại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo |
| 33  34 | ***Vội vàng*** (Xuân Diệu  **Nghĩa của câu** | **76-77**  **78,**  **79** | sống mãnh liệt, hết mình và quan niệm về thời gian, tuổi trẻ và hạnh phúc của Xuân Diệu. Thấy được sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc dồi dào và mạch luận lí sâu sắc, những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật của nhà thơ.  2. Phẩm chất:  + Yêu cuộc sống, trân trọng cuộc sống nhất là những năm tháng tuổi trẻ.  + Có quan niệm thẩm mĩ và nhân sinh mới mẻ, tiến bộ đúng đắn.  3.Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình lãng mạn hiện đại; NL tạo lập VB nghị luận về thơ hiện đại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo.  ,.. |
| 35 | ***Tràng giang*** (Huy Cận)  ) | **80,**  **81** | 1.**Kiến thức**: Giúp học sinh cảm nhận được nỗi buồn, nỗi cô đơn trước vũ trụ, nỗi sầu nhân thế và niềm khát khao hòa nhập với quê hương đất nước. Thấy được màu sắc cổ điển và hiện đại của bài thơ.  2.Phẩm chất: Yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống. Có ý thức, trách nhiệm với quê hương, đất nước.  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình lãng mạn hiện đại - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo  , tự nghiên cứu |
| 36 | ***Đây thôn Vĩ Dạ*** (Hàn Mặc Tử) | **82**  **83** | 1. **Kiến thức**: Cảm nhận được bài thơ là một bức tranh phong cảnh và cũng là tâm cảnh, thể hiện nỗi buồn cô đơn của Hàn Mặc Tử trong một mối tình xa xăm, vô vọng. Đó còn là tấm lòng thiết tha của nhà thơ với thiên nhiên, cuộc sống và con người. Nhận biết sự vận động của tứ thơ, tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo, tài hoa của một nhà thơ mới.  - Phẩm chất: Yêu, tự hào về vẻ đẹp của một miền quê đất nước; yêu cuộc sống; trân trọng những tình cảm cao đẹp của con người  3. Năng lực:  - NL tạo lập VB nghị luận về thơ hiện đại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo |
| 37 | **Thao tác lập luận bác bỏ và Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ** | **84**  **85** | 1.**Kiến thức** :Nắm được khái niệm về thao tác, bác bỏ;  2. Phẩm chất: Có thái độ rõ ràng trong cuộc sống, biết bác bỏ những quan điểm sai trái phiến diện, đồng tình với những quan điểm đúng đắn.- NL vận dụng đúng, linh hoạt các thao tác lập luận vào việc tạo lập và đọc hiểu các đoạn văn , văn bản nghị luận.  3. Năng lực:  NL vận dụng, NL tổng hợp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học |
| 38 | *-****Chiều tối*** (Hồ Chí Minh) | **86**  **87** | 1.**Kiến thức**: Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của tâm Hồ Chí Minh: Dù hoàn cảnh khắc nghiệt đến đâu vẫn luôn hướng về sự sống và ánh sáng. Cảm nhận được bút pháp tả cảnh ngụ tình vừa cổ điển vừa hiện đại của bài thơ.  2. Phẩm chất:  - Yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống.  + Tự hào ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của những người cách mạng tiên phong  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình cách mạng ; NL tạo lập VB nghị luận về thơ trữ tình cách mạng  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 39 | ***Từ ấy*** (Tố Hữu) | **88**  **89** | 1.**Kiến thức** : Thấy rõ niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản. Hiểu được sự vận động của các yếu tố trong thơ trữ tình: Tứ thơ, hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu…trong việc làm nổi bật tâm trạng của cái tôi nhà thơ.  2. Phẩm chất:  -Yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống. Có ý thức, trách nhiệm với quê hương, đất nước.  - Tự hào ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của những người cách mạng tiên phong  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản thơ trữ tình cách mạng |
| 40 | ***Ôn giữa kì*** | **90** | 1.Kiến thức: Ôn tập kiến thức về VH, TV và LV  2.Phẩm chất: Say mê với môn học, yêu tiếng Việt  3.Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| 41 | **Đặc điểm loại hình của Tiếng Việt** | **91,**  **92** | 1. Kiến thức:Nắm được đặc điểm loại hình của tiếng Việt – một ngôn ngữ đơn lập để học tập và sử dụng tiếng Việt tốt hơn.  2.Phẩm chất: Yêu tiếng Việt, có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao  3. Năng lực:  - NL vận dụng hiểu biết về đặc điểm của loại hình tiếng Việt để lí giải các hiện tượng tiếng Việt  - NL sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL thực hành…. |
| 42 | - Tiểu sử tóm tắt  LT viết tiểu sử | **93-94** | . Kiến thức:Nắm được cách viết tiểu sử tóm tắt  2.Phẩm chất: Yêu tiếng Việt, có ý thức nói và viết tiếng Việt đạt hiệu quả giao tiếp cao  3. Năng lực:  - NL vận dụng hiểu biết để viết  - NL sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL thực hành |
| 43 | **Kiểm tra giữa kì II** | **95**  **96** | 1.Kiến thức: Huy động các kiến thức VH, TV, LV  2. Phẩm chất: Biết trình bày vấn đề logic, có nhìn nhận, đánh giá riêng, biết phân bố thời gian phù hợp  3. Năng lực: Giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo |
| 44 | ***Chuyên đề: Hình tượng người chiến sĩ qua Chiều tối và Từ ấy*** | **97,**  **98** | **1.Kiến thức:** Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của bài thơ cả về nội dung tâm tình lẫn ngôn từ nghệ thuật.  2. Phẩm chất: Ý thức được tình yêu là một tình cảm trong sáng cao thượng; luôn cố gắng tự hoàn thiện bản thân để sống có ý nghĩa và cao thượng trong tình yêu.  3.Năng lực:  - NL tạo lập VB nghị luận về một bài thơ dịch  - Các NL khác: NL hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| 45 | ***Tôi yêu em*** (Puskin)  ) | **99** | **.Kiến thức:** Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của bài thơ cả về nội dung tâm tình lẫn ngôn từ nghệ thuật.  2. Phẩm chất: Ý thức được tình yêu là một tình cảm trong sáng cao thượng; luôn cố gắng tự hoàn thiện bản thân để sống có ý nghĩa và cao thượng trong tình yêu.  3.Năng lực:  - NL tạo lập VB nghị luận về một bài thơ dịch  - Các NL khác: NL hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| 46 | **Đt: Tiếng mẹ đẻ….**  **Thao tác lập luận bình luận và Luyện tập** | **100** | **1.Kiến thức:** Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của tiếng Việt.  2. Phẩm chất: Ý thức được tình yêu Tiếng Việt là một tình cảm trong sáng cao thượng; luôn cố gắng tự hoàn thiện ngôn ngữ dân tộc.  3.Năng lực:  - NL tạo lập văn bản nói, viết  - Các NL khác: NL hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ  **1.Kiến thức:** Giúp học sinh hiểu được mục đích, yêu cầu và tầm quan trọng của thao tác lập luận bình luận; nắm được những nguyên tắc và cách thức cơ bản của thao tác lập luận bình luận.  2. Phẩm chất: có những định hướng đúng đắn trong tình cảm, suy nghĩ, lối sống; xác định rõ hơn trách nhiệm, có quan điểm, lập trường chính kiến trong cuộc sống.  3.Năng lực:  -NL vận dụng các thao tác lập luận vào việc tạo lập và đọc hiểu các đoạn văn , văn bản nghị luận.  - Các năng lực khác: NL vận dụng, NL tổng hợp, năng lực giải quyết vấn đề, NL sáng tạo,… |
| 47 | ***Người trong bao*** (Sê-khốp  **Trả bài kiểm tra giữa kì II** | **101**  **102** | **1. Kiến thức:**  Hiểu được sự phê phán sâu sắc của nhà văn đối với lối sống *thu mình vào trong bao* của một bộ phận trí thức Nga cuối thế kỉ XIX. Thấy được những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  2.Phẩm chất: Yêu con người, yêu cuộc sống…  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại nước ngoài  - Các NL khác: NL hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| 48 | **- Người cầm quyền khôi phục uy quyền** (Trích*Những người khốn khổ*của V. Huygô | **103,**  **104** | **. Kiến thức:**  Hiểu được sự phê phán sâu sắc của nhà văn đối với lối sốngcủa một công bộc trong xã hối bấy giờ. Thấy được những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  2.Phẩm chất: Yêu con người, yêu cuộc sống…  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại nước ngoài  - Các NL khác: NL hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| 49 | **thao tác lập luận bình luận+ Luyện tập** | **105**  **106** | **1. Kiến thức:**  Thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm văn số . Trình bày được quan niệm, ý kiến của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục trong bài làm văn tiếp theo:Kiểm tra học kì II.  2.Phẩm chất**:** Có ý thức hơn trong việc hành văn, biết quan tâm đến những vấn đề mà xã hội đang đặt ra cho con người, đề xuất cách giải quyết, khắc phục.  3. Năng lực**:** Rút ra được những kinh nghiệm để làm tốt hơn bài làm văn kiểm tra học kì II. |
| 50 | **Trả bài giữa kì** | **107** | * **Giúp hs cũng cố kiến thức và kĩ năng làm đọc hiểu và viết văn** |
| 51 | **Phong cách ngôn ngữ chính luận**  **Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.** | **108**  **109** | **1.Kiến thức:**  Giúp học sinh hiểu được khái niệm ngôn ngữ chính luận, các loại văn bản chính luận và đặc điểm của phong cách ngôn ngữ chính luận.  2. Phẩm chất: Yêu tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.- NL đọc hiểu một văn bản chính luận  3. Năng lực:  - NL tổng kết, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản đã học  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL sử dụng ngôn ngữ  1.Kiến thức :  - Củng cố vững chắc hơn kiến thức và kỹ năng về các thao tác lập luận phân tích, so sánh, bác bỏ và bình luận.  - Nắm vững hơn nguyên tắc và cách thức kết hợp các thao tác lập luận đó trong một văn bản nghị luận.  2. Phẩm chất: có những định hướng đúng đắn trong tình cảm, suy nghĩ, lối sống; xác định rõ hơn trách nhiệm, có quan điểm, lập trường chính kiến trong cuộc sống.  3. Năng lực:  -NL vận dụng các thao tác lập luận vào việc tạo lập và đọc hiểu các đoạn văn , văn bản nghị luận.  - Các năng lực khác: NL vận dụng, NL tổng hợp, năng lực giải quyết vấn đề, NL sáng tạo,NL sử dụng công nghệ thông tin, NL tự quản… |
| 52 | ***Một thời đại trong thi ca*** (trích *Thi nhân Việt Nam* – Hoài Thanh) | **110**  **111** | **1. Kiến thức:** Giúp học sinh hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về *tinh thần thơ mới* trong ý nghĩa văn chương và xã hội; thấy được nghệ thuật nghị luận văn chương khoa học, chặt chẽ, thấu đáo và cách diễn đạt tài hoa của tác giả.  2. Phẩm chất: Nhìn nhận sâu sắc gía trị của một giai đoạn văn học tạo hứng thú và niềm yêu thích đối với bộ môn.  3. Năng lực:  - NL đọc hiểu văn bản nghị luận  - Các năng lực khác: năng lực hợp tác, năng lực phân tích-tổng hợp; năng lực giả quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| 53 | **- Về luân lí xã hội ở nước ta** (trích *Đạo đức và luân lí Đông Tây*)của Phan Châu Trinh | **112** | **1.Kiến thức :** Củng cố và hệ thống hóa những kiến thức về tiếng Việt đã được học trong năm, nâng cao những hiểu biết chung về tiếng Việt  2.Phẩm chất: Yêu tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.- NL tổng kết, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản đã học  3. năng lực:  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL sử dụng ngôn ngữ, NL tự học, tự nghiên cứu.. |
| 54 | **Một số thể loại văn học: Kịch, nghị luận**  **Ôn tập kiểm tra cuối kì II** | **113**  **114** | **1. Kiến thức :** Hiểu khái quát đặc điểm của một số thể loại văn học: Kịch, nghị luận.  2. Phẩm chất: Yêu văn học, trân trọng sự sáng tạo của người nghệ sĩ, ….  3. Năng lực:  - NL vận dụng (Biết vận dụng những những kiến thức về thể loại văn học vào việc đọc hiểu và tạo lập văn bản  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề…  1. Kiến thức: Nắm cấu trúc đề KT, thời gian làm bài; hệ thống các kiến thức và kĩ năng đã học  2. Phẩm chất: Khả năng hệ thống và khái quát kiến thức  3. Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| 55 | **Tóm tắt văn bản nghị luận**  **-Lt tóm tắt văn bản nghị luận**  **Kiểm tra cuối kì II** | **115** | 1.Kiến thức : Củng cố các kiến thức – kỹ năng cơ bản về văn học, tiếng Việt, làm văn đã học trong chương trình.  2. Phẩm chất: suy nghĩ độc lập  3.Năng lực : NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL sử dụng ngôn ngữ. |
| 56  57  58 | **Ôn tập phần Văn học**  **Ôn tập phần Tiếng Việt**  **Ôn tập phần Làm văn** | **116**  **117**  **118**  **119**  **120** | 1. Kiến thức :  - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong SGK Ngữ văn 11, tập hai.  - Củng cố và hệ thống hóa những kiến thức đó trên hai phương diện lịch sử và thể loại.  2. Phẩm chất:  -Yêu quê hương, đất nước; Nhân ái, bao dung  - Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội  3. năng lực:  - NL tổng kết, hệ thống hóa.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học..  1. Kiến thức : Ôn tập hệ thống hóa tri thức về các thao tác lập luận, cách tóm tắt văn bản nghị luận và viết tiểu sử tóm tắt, bản tin.  2. Phẩm chất: Có thái độ học tập nghiêm túc, tạo hứng thú, niềm yêu thích đối với bộ môn  3. Năng lực:  - NL tổng kết, hệ thống hóa kiến thưc  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ  - NL tạo lập văn bản. |
| 57 | **Ktra cuối kì**  **Trả bài kiểm tra cuối kì II** | **121-122**  **123** | 1. Kiến thức: Thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm văn số . Trình bày được quan niệm, ý kiến của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục trong bài làm văn tiếp theo  2.Phẩm chất: Có ý thức hơn trong việc hành văn, biết quan tâm đến những vấn đề mà xã hội đang đặt ra cho con người, đề xuất cách giải quyết, khắc phục.  3. Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |

**NGỮ VĂN 12**

**35 TUẦN - 105 TIẾT**

**35 TIẾT TỰ CHỌN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KÌ I**  **18 TUẦN x 3 TIẾT = 54 TIẾT**  **18 TIẾT TỰ CHỌN** | | | |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | Khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỷ XX | 1  2 | 1. Kiến thức:  - Nắm được những đặc điểm của một nền văn học song hành cùng lịch sử đất nước;  - Thấy được những thành tựu của văn học Cách mạng Việt Nam;  2. Phẩm chất: có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.- Năng lực đọc hiểu văn bản khoa học  3. Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực tự học |
| 2 | Nghị luận về một tư tưởng đạo lí | 3 | 1.Kiến thức:Nắm được cách viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  2. Phẩm chất: có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.- Năng lực tạo lập văn bản  3. Năng lực giải quyết vấn đề năng lực tự quản bản thân.Năng lực sáng tạo, năng lực tự học. |
| 3 | Tuyên ngôn Độc lập | 4  5  6 | 1.Kiến thức:Nắm được cách viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  2. Phẩm chất: có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.- Năng lực tạo lập văn bản  3. Năng lực giải quyết vấn đề năng lực tự quản bản thân.Năng lực sáng tạo, năng lực tự học. |
| 4 | Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt | 7 | - Nắm được những biểu hiện chủ yếu của sự trong sáng tiếng Việt và trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt.  - Biết phân biệt sự trong sáng và hiện tượng sử dụng TV không trong sáng trong lời nói, câu văn. |
| 5 | Nghị luận về một hiện tượng đời sống | 8 | 1.Kiến thức: Nắm được cách viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.  2. Phẩm chất: có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.  3.Năng lực tạo lập văn bản; Năng lực giải quyết vấn đề năng lực tự quản bản thân.Năng lực sáng tạo, năng lực tự học. |
| 6 | Phong cách ngôn ngữ khoa học | 10,11 | 1.Kiến thức:Nắm được các khái niệm ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học thường gặp, các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học.  2.Phẩm chất: yêu đất nước, yêu tiếng mẹ đẻ, có trách nhiệm với cộng đồng.  3.Năng lực sử dụng Tiếng Việt; Năng lực hợp tác; Năng lực tự học. |
| 7 | Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. | 11  12 | 1. Kiến thức: Củng cố và nâng cao kiến thức về văn nghị luận văn học.  2. Phẩm chất: Yêu tiếng Việt, yêu cái đẹp  3. Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sáng tạo; Năng lực hợp tác; Năng lực tạo lập văn bản; Năng lực sử dụng Tiếng Việt |
| 8 | Tây Tiến | 13  14  15 | -  1.Kiến thức:  - Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên miền tây Tổ quốc và hình ảnh người lính Tây Tiến.  - Nắm được những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật của bài thơ, bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh , ngôn ngữ, giọng điệu.  2. Phẩm chất, tư tưởng: Yêu quê hương, đất nước,quan tâm và có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.  3.Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực tự quản bản thân; Năng lực hợp tác; Năng lực tự học |
| 9 | Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học | 16  17 | .- Nắm kiểu bài và cách làm nghị luận về một ý kiến… |
| 10 | Việt Bắc  Ôn tập kiểm tra giữa học kì | 18-21 | 1 Hs nắm được những nét chính trong đường đời, đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu. Hiểu rõ nét nổi bật trong phong cách thơ Tố Hữu là sự hoà quỵên giữa nội dung trữ tình chính trị và nghệ thuật biểu hiện đậm đà tính dân tộc.  - Cảm nhận được một thời gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.  - Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn trong nghệ thuật tác phẩm.  .Kiến thức: Ôn tập kiến thức về VH, TV và LV  2.Phẩm chất: Say mê với môn học, yêu tiếng Việt  3.Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| 11 | Luật thơ | 22 | 1.Nắm được những nội dung cơ bản về luật thơ của những thể thơ tiêu biểu.  - Có kĩ năng phân tích những biểu hiện của luật thơ ở một bài thơ cụ thể..  2. Phẩm chất: có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.  3. Năng lực: Năng lực tạo lập văn bản; Năng lực giải quyết vấn đề  1.Kiến thức: Huy động các kiến thức VH, TV, LV  2. Phẩm chất: Biết trình bày vấn đề logic, có nhìn nhận, đánh giá riêng, biết phân bố thời gian phù hợp  3. Năng lực: Giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo |
| 12 | Đất Nước (Trích Trường ca Mặt đường khát vọng) | 23-25 | - Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở.  - Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyện giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu văn học, văn hóa dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ. |
| 13 | Kiểm tra giữa kì I | 26,27 | **.**Kiểm tra kiến thức đọc hiểu và kĩ năng làm văn nghị luận |
| 14 | Phát biểu theo chủ đề | 28 | 1.Kiến thức: Khái quát về phát biểu theo chủ đề.  -Những yêu cầu và các bước chuẩn bị phát biểu theo chủ đề.  - Hiểu được yêu cầu, cách thức phát biểu theo chủ đề.  2. Phẩm chất: mạnh dạn, tự tin trình bày được ý kiến của mình trước tập thể phù hợp với chủ đề được nói tới.  3.Năng lực: Năng lực tạo lập văn bản; Năng lực giải quyết vấn đề năng lực tự quản bản thân; Năng lực sáng tạo, năng lực tự học. |
| 15 | Đọc thêm Đất nước,- NGuyễn Đình Thi | 29 | Tăng cường kiến thức, yêu văn học |
| 16 | Thực hành một số phép tu từ ngữ âm | 30 | Có kĩ năng thực hành, biết hiệu qủa nghệ thuật của biện pháp tu từ ngữ âm**.** |
| 17 | Thực hành một số phép tu từ cú pháp | 31 | Có kĩ năng thực hành, biết hiệu qủa nghệ thuật của biện pháp tu từ cú pháp |
| 18 | Sóng | 32-34 | 1.Kiến thức:Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao hạnh phúc của người phụ nữ đang yêu.  - Thấy được đặc sắc nghệ thuật trong cấu tứ, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu, ngôn từ  2.Phẩm chất, tư tưởng: quan tâm và có trách nhiệm với cộng đồng, đất nước; có trách nhiệm với tình yêu - Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình.  3.Năng lực thẩm mỹ; Năng lực tự quản bản thân; Năng lực hợp tác |
| 19 | Đàn ghi ta của Lor – ca | 35 | 1.Kiến thức:Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao tiwj do, nghệ thuật cỉa Locar.  - Thấy được đặc sắc nghệ thuật trong cấu tứ, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu, ngôn từ  2.Phẩm chất, tư tưởng: quan tâm và có trách nhiệm với cộng đồng, đất nước; có trách nhiệm với tình yêu - Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình.  3.Năng lực thẩm mỹ; Năng lực tự quản bản thân; Năng lực hợp tác |
| 20 | Trả bài giữa kì | 36 | **2. Trả bài kiểm tra giữa học kì I**  a. Kiến thức: Thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm văn số . Trình bày được quan niệm, ý kiến của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục trong bài làm văn tiếp theo  b .Phẩm chất: Có ý thức hơn trong việc hành văn, biết quan tâm đến những vấn đề mà xã hội đang đặt ra cho con người, đề xuất cách giải quyết, khắc phục. |
| 21 | Chủ đề tích hợp:  Người lái đò Sông Đà; Ai đã đặt tên cho dòng sông?; Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận; | 33  34  35  36 |  |
|  |
|  |
| 1.Kiến thức:  a)Người lái đò sông Đà:  - Cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò.Từ đó, hiểu được tình yêu, sự say đắm của NT đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.  - Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.  b) Ai đã đặt tên cho dòng sông?  - Thấy được tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với sông Hương xứ Huế.  - Hiểu được đặc trưng của thể loại bút kí và đặc sắc nghệ thuật của bài kí.  c) Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận  - Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh trong bài văn nghị luận.  - Biết cách vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận. |
| 22 | **Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận**  Bác ơi, Tự do, Những ngày đầu của nước Việt Nam mới. | 45 | |  | | --- | | **1. Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận**  a.Kiến thức: Biết phát hiện, phân tích và sửa chữa được các lỗi về lập luận trong văn nghị luận.  b.Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước.  c.Năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. | | c. Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ | | **2. Thực hành chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.**  a.Kiến thức: Biết phát hiện, phân tích và sửa chữa được các lỗi về lập luận trong văn nghị luận.  b.Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước.  c.Năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. | | **43 Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận**  a. Kiến thức:  - Nắm vững kiến thức, kĩ năng kiến về các thao tác lập luận đã học.  - Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết được một văn bản  b. Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước.  c.Năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. | |
| 23 | Quá trình văn học và phong cách văn học | 46,  47 | a.Kiến thức: có kiến thức về quá trình văn học và phong cách văn học.  b.Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước.  c.Năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 24 | Ôn tập phần Văn học, củng cố kiến thức trọng tâm | 48-51 | 1.Kiến thức:  -Nắm được những tri thức cơ bản về các tác giả và các tác phẩm văn học đã học; củng cố hệ thống những kiến thức đã học trên hai phương diện lịch sử và thể loại.  - Hiểu được một cách cơ bản những kiến thức lí luận văn học về thể loại và phong cách văn học.  2. Phẩm chất: Yêu quê hương, đất nước, trân trọng những giá trị của nền văn học dân tộc  3. Năng lực tổng kết, hệ thống hóa những kiến thưc cơ bản của các tác phẩm văn học đã học |
| 25 | Kiểm tra cuối kì | 52,  53 | 1.Kiến thức : Củng cố các kiến thức – kỹ năng cơ bản về văn học, tiếng Việt, làm văn đã học trong chương trình.  2. Phẩm chất: suy nghĩ độc lập  3.Năng lực : NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL sử dụng ngôn ngữ. |
| 26 | Trả bài Kiểm tra cuối kỳ I | 47  48  49 | 1. Kiến thức: Thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm văn số . Trình bày được quan niệm, ý kiến của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục trong bài làm văn tiếp theo  2.Phẩm chất: Có ý thức hơn trong việc hành văn, biết quan tâm đến những vấn đề mà xã hội đang đặt ra cho con người, đề xuất cách giải quyết, khắc phục.  3. Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| **HỌC KÌ II**  **17 TUẦN x 3 TIẾT = 51 TIẾT**  **17 TIẾT TỰ CHỌN** | | | |
| 27 | Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài) | 55  56  57  58 | 1.Kiến thức:  -Thấy được cuộc sống cực nhục, tối tăm và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào các dân tộc Tây Bắc.  - Hiểu được những nét đặc sắc của tác phẩm.  2. Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng, có lòng nhân ái.  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 28 | Vợ nhặt (Kim Lân) | 59  63 | 1.Kiến thức:  - Hiểu được tình cảnh sống thê thảm của người nông dân trong nạn đói năm 1945 và niềm tin vào tương lai, sự yêu thương, đùm bọc giữa những con người nghèo khổ khi đã cận kề cái chết.  - Thấy được một số nét đặc sắc về mặt nghệ thuật của tác phẩm.  2. Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng, có lòng nhân ái.  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 29 | Thực hành hàm ý | 64,  65 | 1.Kiến thức:  - Hiểu được nghĩa tường minh và hàm ẩn trong văn bản.  2. Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng, có lòng nhân ái.  3. Năng lực phát hiện hàm ý và vận dụng |
| 30 | Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu) | 66  69 | 1.Kiến thức:  - Hiểu được quan niệm của nhà văn về mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật, về cách nhìn đời và nhìn người trong cuộc sống.  - Thấy được những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm và bước đầu nhận diện được một số đặc trưng cơ bản văn xuôi VN sau năm 1975.  2. Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nướctự trọng, nhân ái, khoan dung .  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 31 | Rèn luyện kĩ năng mở bài, kết bài trong văn nghị luận | 70 | .Kiến thức:  - Hiểu sâu hơn về chức năng của mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.  - Có kĩ năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiểu mở bài và kết bài thông dụng.  2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản thân  3.Năng lực hợp tác, năng lực tự học; năng lực công nghệ thông tin, truyền thông; năng lực giải quyết vấn đề. |
| 32 | Đọc thêm: Một người Hà Nội (Nguyễn Khải) | 71 | .Kiến thức:  - Hiểu được quan niệm của nhà văn về vẻ đẹp người Hà Nội.  - Thấy được những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm và bước đầu nhận diện được một số đặc trưng cơ bản văn xuôi VN sau năm 1975.  2. Phẩm chất, tư tưởng: yêu quê hương, đất nướctự trọng, nhân ái, khoan dung .  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp |
| 33 | **Chủ đề tích hợp: VĂN XUÔI YÊU NƯỚC THỜI KÌ CHỐNG MỸ**  1) Rừng xà nu  (Nguyễn Trung Thành)  2) Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Thi)  3) Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi | 72-75 | 1.Kiến thức:  a) Rừng xà nu:  - Nắm được tư tưởng cơ bản mà tác giả gửi gắm qua hình tượng của tác phẩm: sự lựa chọn con đường đi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù.  - Thấy được chất sử thi, ý nghĩa và giá trị của tác phẩm trong thời điểm nó ra đời và trong thời đại ngày nay.  b) Những đứa con trong gia đình:  - Hiểu được nguồn gốc tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn và những chiến thắng của dân tộc VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Thấy được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  c) Nghị luận về một TP( một đoạn trích ) văn xuôi  - Củng cố và nâng cao kiến thức về văn nghị luận văn học.  - Nắm được cách viết bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.  2. Phẩm chất: yêu quê hương, đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng, có lòng nhân ái.  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 34 | Kiểm tra giữa HK 2 | 76-77 | 1  1.Kiến thức : Củng cố các kiến thức – kỹ năng cơ bản về văn học, tiếng Việt, làm văn đã học trong chương trình.  2. Phẩm chất: suy nghĩ độc lập  3.Năng lực : NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL sử dụng ngôn ngữ. |
| 35 | **Chủ đề tích hợp: VĂN XUÔI YÊU NƯỚC THỜI KÌ CHỐNG MỸ** | 78-79 | .Kiến thức:  a) Rừng xà nu:  - Nắm được tư tưởng cơ bản mà tác giả gửi gắm qua hình tượng của tác phẩm: sự lựa chọn con đường đi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù.  - Thấy được chất sử thi, ý nghĩa và giá trị của tác phẩm trong thời điểm nó ra đời và trong thời đại ngày nay.  b) Những đứa con trong gia đình:  - Hiểu được nguồn gốc tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn và những chiến thắng của dân tộc VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Thấy được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  c) Nghị luận về một TP( một đoạn trích ) văn xuôi  - Củng cố và nâng cao kiến thức về văn nghị luận văn học.  - Nắm được cách viết bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.  2. Phẩm chất: yêu quê hương, đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng, có lòng nhân ái.  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 36 | Số phận con người (Sô-lô-khốp | 80,  81 | 1.Kiến thức:  - Hiểu được sự thật khốc liệt của chiến tranh và bản lĩnh vượt lên trên số phận của người lính Xô viết thời hậu chiến.  - Nắm được nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và xây dựng hình tượng nhân vật của truyện ngắn Sô-lô-khốp |
| 37 | Ông già và biển cả (Hê-minh-uê) | 82  83 | . .Kiến thức:  - Hiểu được sự thật khốc liệt của cuộc mưu sinh và bản lĩnh vượt lên trên thử thách .  - Nắm được nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và xây dựng hình tượng nhân vật của truyện ngắn Hê minhue |
| 38 | Diễn đạt trong văn nghị luận | 84  85 | 1.Kiến thức:  - Nắm được các yêu cầu về diễn đạt của bài văn nghị luận.  - Có kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.  1. Phẩm chất, tư tưởng: có trách nhiệm với cộng đồng, tự lập tự tin, có lòng nhân ái  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 39 | Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) | 86  88 | 1.Kiến thức:  - Cảm nhận được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh sống nhờ, sống tạm trái với tự nhiên và vẻ đẹp tâm hồn của người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo, dung tục.  - Thấy được những nét đặc sắc của kịch Lưu Quang Vũ qua đoạn trích cụ thể  2. Phẩm chất, tư tưởng: có trách nhiệm với cộng đồng, tự lập tự tin, có lòng nhân ái  3. Năng lực đọc hiểu văn bản kịch hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực tự quản bản thân. |
| 40 | Trả bài KT giữa HK 2 | 89 | 1. Kiến thức: Thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm văn số . Trình bày được quan niệm, ý kiến của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục trong bài làm văn tiếp theo  2.Phẩm chất: Có ý thức hơn trong việc hành văn, biết quan tâm đến những vấn đề mà xã hội đang đặt ra cho con người, đề xuất cách giải quyết, khắc phục.  3. Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |
| 41 | Nhìn về vốn văn hóa dân tộc (Trần Đình Hượ | 90  91 | 1.Kiến thức:  - Nắm được những luận điểm chính của bài viết cùng quan điểm của tác giả về những nét đặc trưng của vốn văn hóa dân tộc – cơ sở để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.  - Thấy được cách trình bày sáng rõ và thái độ khách quan, khiêm tốn khi trình bày luận điểm.  2. Phẩm chất, tư tưởng: quan tâm và có trách nhiệm với cộng đồng, đất nước, có lòng tự trọng.  3. Năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng; Năng lực hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề |
| 42 | Giá trị văn học và tiếp nhận văn học | 92  93 | |  | | --- | | 1.Kiến thức:  - Hiểu được những giá trị cơ bản của văn học.  - Nắm vững những nét bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học  2.Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản thân, trung thực, chí công, vô tư.  3.Năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề. |   1.Kiến thức:  - Nắm được các yêu cầu về diễn đạt của bài văn nghị luận.  - Có kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.  1. Phẩm chất, tư tưởng: có trách nhiệm với cộng đồng, tự lập tự tin, có lòng nhân ái  3. Năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 43 | Phát biểu tự do | 94 | .Kiến thức:  - Nắm được các yêu cầu phát biểu tự do.  - Có kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.  1. Phẩm chất, tư tưởng: có trách nhiệm với cộng đồng, tự lập tự tin, có lòng nhân ái  3. Năng lực hùng biện, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học. |
| 44 | Ôn tập phần văn học | 95  96 | 1.Kiến thức:  - Nắm được một cách hệ thống, biết vận dụng, linh hoạt, sáng tạo những kiến thức cơ bản đã học trong chương trình 12, Học kì II.  - Có năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ: sự kiện, văn hóa, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học...  2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản thân, trung thực, chí công, vô tư.  3.Năng lực tổng hợp, năng lựccảm thụ thẩm mĩ, năng lực sử dụng Tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề. |
| 45 | Ôn tập làm văn | 97  98 | 1.Kiến thức  - Củng cố và hoàn thiện các kiến thức và kĩ năng về các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT, đặc biệt là lớp 12.  - Viết được các kiểu loại văn bản đã học, đặc biệt là văn bản nghị luận.  2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản than  3. Năng lực sử dụng Tiếng Việt; Năng lực hợp tác |
| 46 | Phong cách ngôn ngữ hành chính | 99  100 | 1.Kiến thức  - Củng cố và hoàn thiện các kiến thức về phong cách ngôn ngữ hành chính,  - Viết được các kiểu loại văn bản với phong cách ngôn ngữ hành chính  2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản than  3. Năng lực sử dụng Tiếng Việt; Năng lực hợp tác  1 |
| 47 | Tổng kết phần Tiếng Việt: Hoạt động  giao tiếp.. | 101 | . Kiến thức:  - Ôn tập hệ thống hóa các KT tiếng Việt đã học trong chương trình THPT  - Củng cố và nâng cao kỹ năng về phân tích ngôn ngữ, lĩnh hội được ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp, kỹ năng nói và thích hợp với ngữ cảnh giao tiếp, góp phần gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.  2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản than  3. Năng lực sử dụng Tiếng Việt; Năng lực hợp tác |
| 48 | Tổng kết phần Tiếng Việt: Lịch sử, đặc điểm, loại hình | 102 | Kiến thức:  - Ôn tập hệ thống hóa các KT tiếng Việt đã học trong chương trình THPT  - Củng cố và nâng cao kỹ năng về phân tích ngôn ngữ, lĩnh hội được ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp, kỹ năng nói và thích hợp với ngữ cảnh giao tiếp, góp phần gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.  2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, có trách nhiệm với bản than  3. Năng lực sử dụng Tiếng Việt; Năng lực |
| 49 | Kiểm tra cuối năm | 103  104 | TỔ CHỨC KIỂM TRA |
| 50 | Trả bài kiểm tra cuối năm | 105 | 1. Kiến thức: Thấy được những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm văn số . Trình bày được quan niệm, ý kiến của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục trong bài làm văn tiếp theo  2.Phẩm chất: Có ý thức hơn trong việc hành văn, biết quan tâm đến những vấn đề mà xã hội đang đặt ra cho con người, đề xuất cách giải quyết, khắc phục.  3. Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ |

**2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học văn 12 | 2 | Kiến thức: hs thấy được mối liên hệ giữa tư tưởng HCMinh và tác phẩm văn học.  Phẩm chất: Có lòng kính yêu Bác, có tình yêu văn học  Kĩ năng: Biết và có ý thức vận dụng tư tưởng cao đẹp của Người vào đời sống |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1)Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề(được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường)theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**3. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2022.... - 2023.....)

**1. Khối lớp: .....................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khối lớp: ...11...................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

….

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạidi sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Đại Lộc, ngày 10 tháng 9 năm 2022…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)